

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2023/DS-ST

Ngày: 27-7-2023

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA – BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Trứ

Ông Nguyễn Văn Bào

-Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa: Ông Lê Đình Duy - Kiểm sát viên

Ngày 27/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 128/2023/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2023/QĐXXST-DS ngày 03/7/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2023/QĐST-DS ngày 19/7/2023 giữa:

*** Nguyên đơn:** Bà Ngô Thị Bích H, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1987 và anh Đặng Tuấn A, sinh năm 1981. (đều vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Nguyễn Đức L, sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

(xin vắng mặt)

(Do bà Ngô Thị Bích H đại diện theo ủy quyền)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2023, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ngô Thị Bích H trình bày: Do có mối quan hệ quen biết, nên ngày 24/4/2014 âm lịch (tức 22/5/2014 dương lịch) bà cho chị Chúc vay số tiền 40.000.000 đồng, lãi thỏa thuận bằng miệng là 10%/ năm, không ghi vào giấy vay tiền, không ghi thời hạn trả. Khi vay thì chị Chúc nói vay để làm mộc của gia đình. Bà xác định chữ viết trong giấy vay và chữ ký tại bên đại diện bên B “Chúc, Nguyễn Thị Ch” là chị Chúc viết và ký; Ngày 06/6/2014 âm lịch (tức 02/7/2014 dương lịch) bà cho chị Chúc vay tiếp số tiền 50.000.000 đồng, lãi thỏa thuận bằng miệng là 10%/ năm, không ghi vào giấy vay tiền, không ghi thời hạn

trả; thời hạn trả không thỏa thuận ngày trả. Bà xác định chữ viết trong giấy vay và chữ ký tại bên đại diện bên B “*Chúc, Nguyễn Thị Ch*” là chị Chúc viết và ký; Ngày 29/7/2014 âm lịch (tức 24/8/2014 dương lịch) bà cho chị Chúc vay tiếp số tiền 50.000.000 đồng, lãi thỏa thuận bằng miệng là 10%/ năm, không ghi vào giấy vay tiền, thời hạn trả là 15 ngày. Bà xác định chữ viết trong giấy vay và chữ ký tại bên đại diện bên B “*Chúc, Nguyễn Thị Ch*” là chị Chúc viết và ký; Ngày 21/8/2014 âm lịch (tức 14/9/2014) bà cho chị Chúc vay tiếp số tiền 60.000.000 đồng, lãi thỏa thuận bằng miệng là 10%/năm, không ghi vào giấy vay tiền, thời hạn trả 24/8/2014. Bà xác định chữ viết trong giấy vay và chữ ký tại bên đại diện bên B “*Chúc, Nguyễn Thị Ch*” là chị Chúc viết và ký. Các mã vay trên bà xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng chị Chúc và là tài sản chung của vợ chồng bà. Bà xác định vợ chồng chị Chúc chưa trả cho vợ chồng bà số tiền gốc nào. Nay bà khởi kiện vợ chồng chị Chúc phải trả cho vợ chồng bà tổng số tiền gốc là 200.000.000 đồng, và lãi 10%/ năm tính từ ngày 01/1/2017 dương lịch cho đến ngày xét xử. Bà đồng ý nhận sự ủy quyền của ông Nguyễn Đức L là chồng bà từ giai đoạn thụ lý đến khi kết thúc vụ án.

Tại phiên tòa bà Hồng có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình và bà thay đổi mức tính lãi suất là 9%/ năm tính từ ngày 01/1/2017 dương lịch cho đến ngày xét xử.

*Bị đơn chị Nguyễn Thị Ch trình bày: Do mối quan hệ quen biết, nên ngày 24/4/2014 âm lịch chị có vay của bà Hồng số tiền 40.000.000 đồng, lãi thỏa thuận bằng miệng là 6.000 đồng/1 triệu/1 ngày, không ghi vào giấy vay tiền, không ghi thời hạn trả; Chị xác định đã trả xong số tiền gốc và lãi, chị vay trong thời gian hơn 10 ngày là trả xong. Khi trả tiền gốc và lãi chị đưa bằng tay, không có giấy tờ gì chứng minh cho việc trả tiền. Nay bà Hồng khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị trả số tiền gốc 40.000.000 đồng, và lãi 10%/ năm tính từ ngày vay thì chị không đồng ý trả số tiền gốc và lãi. Chị xác định chữ viết trong giấy vay và chữ ký tại bên đại diện bên B “*Chúc, Nguyễn Thị Ch*” là do chị viết và ký; Ngày 06/6/2014 âm lịch chị có vay tiếp số tiền 50.000.000 đồng, lãi thỏa thuận bằng miệng là 6.000 đồng/1 triệu/1 ngày, không ghi vào giấy vay tiền, không ghi thời hạn trả; thời hạn trả không thỏa thuận ngày trả. Chị xác định chữ viết trong giấy vay và chữ ký tại bên đại diện bên B “*Chúc, Nguyễn Thị Ch*” là do chị viết và ký; Ngày 29/7/2014 âm lịch chị vay tiếp số tiền 50.000.000 đồng, lãi thỏa thuận bằng miệng là 6.000 đồng/1 triệu/1 ngày, không ghi vào giấy vay tiền, thời hạn vay là 15 ngày. Chị xác định chữ trong giấy vay viết và chữ ký tại bên đại diện bên B “*Chúc, Nguyễn Thị Ch*” là do chị viết và ký; Ngày 21/8/2014 âm lịch chị vay tiếp số tiền 60.000.000 đồng, lãi thỏa thuận bằng miệng là 6.000 đồng/1 triệu/1 ngày, không ghi vào giấy vay tiền, thời hạn trả 24/8/2014. Chị xác định chữ viết trong giấy vay và chữ ký tại bên đại diện bên B “*Chúc, Nguyễn Thị Ch*” là do chị viết và ký.

Chị xác định số tiền gốc của 3 mã (Ngày 06/6/2014 âm lịch số tiền 50.000.000 đồng; Ngày 29/7/2014 âm lịch số tiền 50.000.000 đồng; mã Ngày 21/8/2014 âm lịch số tiền 60.000.000 đồng) thì chưa chị chưa trả được đồng nào, còn lãi thì chị xác định đã trả được từ ngày vay đến cuối năm 2016 thì sau đó do gia đình chị vỡ nợ thì không trả được lãi nữa, các lần trả lãi thì đều đưa tay cho bà Hồng, không có giấy tờ gì để chứng minh cho việc trả lãi. Mục đích vay để để

làm nghề mộc và cho người khác vay. Chị xác định đây là khoản nợ riêng của cá nhân chị, không phải nợ chung của vợ chồng.

Nay bà Hồng khởi kiện vợ chồng chị trả cho vợ chồng bà Hồng tổng số tiền gốc là 200.000.000 đồng, và lãi 10%/ năm tính từ ngày vay cho đến ngày xét xử, thì chị xác định hiện nay còn nợ của bà Hồng tổng số tiền gốc là 160.000.000 đồng, còn số tiền lãi thì chị xin được miễn vì hoàn cảnh khó khăn.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Tuấn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không lên Tòa án làm việc và từ bỏ quyền lợi của mình.

Tại phiên tòa chị Chúc và anh Tuấn Anh vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức L trình bày: Ông nhất trí với phần trình bày của bà Ngô Thị Bích H. Vì lý do công việc nên ông ủy quyền cho vợ ông là bà Ngô Thị Bích H tham gia tố tụng từ giai đoạn thụ lý đến khi kết thúc vụ án, mọi quyết định của bà Hồng là quyết định của ông.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Đức L xin vắng mặt

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành tốt, bị đơn chấp hành chưa tốt.

Áp dụng Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147; Điều 266; Điều 227; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469; 470 của Bộ luật dân sự; Điều 27; Điều 37 - Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Bích H.

1. Buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị Ch và anh Đặng Tuấn A có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Ngô Thị Bích H và ông Nguyễn Đức L số tiền gốc 200.000.000 đồng và lãi 9%/ năm, tính từ ngày 01/1/2017 dương lịch cho đến ngày xét xử là 6 năm 6 tháng 26 ngày tổng là 118.300.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 318.300.000 đồng.

2. Về án phí: chị Nguyễn Thị Ch và anh Đặng Tuấn A phải chịu 15.915.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về thẩm quyền: Bà Ngô Thị Bích H khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị Nguyễn Thị Ch và anh Đặng Tuấn A trả số tiền gốc và lãi, xác định là quan hệ tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*" theo Điều 463 của Bộ luật dân sự và theo Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ giữa các bên là quan hệ giữa cá nhân với cá nhân. Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị Ch và anh Đặng Tuấn A vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người nêu trên là có căn cứ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Ngô Thị Bích H khởi kiện

yêu cầu vợ chồng chị Nguyễn Thị Ch và anh Đặng Tuấn A trả cho vợ chồng bà số tiền gốc 200.000.000 đồng và lãi 10%/ năm, tính từ ngày 01/1/2017 dương lịch cho đến ngày xét xử thì thấy: Theo lời trình bày của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ, xác định (ngày 24/4/2014 âm lịch bà Hồng cho chị Chúc vay số tiền 40.000.000 đồng; Ngày 06/6/2014 âm lịch bà Hồng cho chị Chúc vay số tiền 50.000.000 đồng; Ngày 29/7/2014 âm lịch bà Hồng cho chị Chúc vay số tiền 50.000.000 đồng; Ngày 21/8/2014 âm lịch bà Hồng cho chị Chúc vay số tiền 60.000.000 đồng); Mục đích vay để làm một phát triển kinh tế gia đình và cho người khác vay. Chị Chúc xác định có vay của bà Hồng tổng số tiền 200.000.000 đồng theo các mã vay trên, tuy nhiên mã vay ngày 24/4/2014 âm lịch số tiền 40.000.000 đồng thì chị xác định đã trả xong cả gốc và lãi, các lần trả gốc và lãi thì chị đưa bằng tay, không có giấy tờ gì chứng minh cho việc trả số tiền gốc 40.000.000 đồng và các lần trả lãi. Bà Hồng thì xác định mã vay 40.000.000 đồng chị Chúc chưa trả số tiền gốc, còn lãi của các mã thì bà xác định chị Chúc trả được đến cuối năm 2016. Do chị Chúc không có chứng cứ chứng minh cho việc đã trả được số tiền gốc và lãi của mã ngày 24/4/2014 âm lịch số tiền 40.000.000 đồng và số tiền lãi của các mã còn lại nên không được chấp nhận. Như vậy, chị Chúc đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nay bà Ngô Thị Bích H có đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị Chúc và anh Tuấn Anh có nghĩa vụ phải trả là 200.000.000 đồng và lãi 9%/ năm, tính từ ngày 01/1/2017 dương lịch cho đến ngày xét xử là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ trả tiền: Bà Hồng xác định là nợ chung của vợ chồng chị Chúc và là tài sản chung của vợ chồng bà, còn chị Chúc xác định là nợ riêng của cá nhân chị. Tuy nhiên, xét thấy mục đích vay chị vay để làm một phát triển kinh tế gia đình và cho người khác vay. Do vậy, buộc vợ chồng chị Chúc và anh Tuấn Anh phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Ngô Thị Bích H và ông Nguyễn Đức L là có căn cứ.

[5] Về lãi suất cho vay: Tại các hợp đồng vay tiền đều không ghi mức lãi, phía nguyên đơn trình bày mức lãi cho vay là 10%/ năm, có mã ghi thời hạn trả, có mã không có thời hạn trả nợ, phía bị đơn trình bày lãi ngày. Như vậy, xác định là hợp đồng vay không có thời hạn và có thời hạn và có lãi. Tại đơn khởi kiện bà Ngô Thị Bích H yêu cầu trả mức lãi 10%/ năm, tuy nhiên tại bản tự khai ngày 19/7/2023, và tại phiên tòa bà thay đổi mức lãi là 9%/năm, xét thấy việc bà thay đổi mức lãi là phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận, thời gian tính lãi từ ngày 01/1/2017 dương lịch cho đến ngày xét xử là 6 năm 6 tháng 26 ngày tổng là 118.300.000 đồng.

[6] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Do các bên không thỏa thuận được nên lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Bích H được chấp nhận nên chị Nguyễn Thị Ch và anh Đặng Tuấn A phải chịu 15.915.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Ngô Thị Bích H được hoàn lại tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 144, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468; Điều 469; 470 của Bộ luật dân sự; Điều 27; Điều 37 - Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 - Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Bích H.

Buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị Ch và anh Đặng Tuấn A có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Ngô Thị Bích H và ông Nguyễn Đức L số tiền gốc 200.000.000 đồng và số tiền lãi 118.300.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 318.300.000 đồng.

2. Về án phí: chị Nguyễn Thị Ch và anh Đặng Tuấn A phải chịu 15.915.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Hoàn trả bà Ngô Thị Bích H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.000.000 đồng theo biên lai số 0002713 ngày 15/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Sứ

